

## CREATING LIVEWORKSHEET

### 1. Writing question

Eg:

1. I haven't eaten this kind of food before.

=> This is the first \_\_\_\_\_

2. It isn't necessary for you to finish by Saturday

=> You \_\_\_\_\_

### 2. Multiple choice question

#### 2.1. Lựa chọn 1 đáp án đúng

- **Bước 1:** Vẽ hộp thoại tại mỗi đáp án A, B, C, D để học sinh lựa chọn

- **Bước 2:** Viết **select:yes** bên trong hộp vừa tạo cho đáp án đúng và **select:no** cho đáp án sai.

Eg:

1. Do you think they are coming tomorrow?

A. I think it

B. I think

C. I think so

D. I don't think

2. \_\_\_\_\_ do you play tennis? Once a week.

A. When

B. How long

C. How often

D. How much

#### 2.2. Lựa chọn nhiều đáp án (câu hỏi mở, lấy thông tin)

- **Bước 1:** Vẽ hộp tại mỗi đáp án A, B, C, D để học sinh lựa chọn

- **Bước 2:** Viết **select:** bên trong hộp vừa tạo (không có đáp án đúng sai)

Eg: What do you like doing in your free time?

- Watching TV Shows and Movies

- Reading

- Going for a walk

- Doing Yoga

- Cooking

- Gardening

- Shopping

### 3. Bài tập lựa chọn đáp án dùng dấu "✓"

#### 3.1. Lựa chọn 1 đáp án đúng

- **Bước 1:** Vẽ hộp trước mỗi đáp án A, B, C, D để học sinh lựa chọn

- **Bước 2:** Viết **tick:yes** bên trong hộp vừa tạo cho đáp án đúng và **tick:no** cho đáp án sai.

Eg: Listen and put a tick

1. Do you want to \_\_\_\_\_?

|                             |                                                                                     |                             |                                                                                     |                             |                                                                                      |
|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| a. <input type="checkbox"/> |  | b. <input type="checkbox"/> |  | c. <input type="checkbox"/> |  |
|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|

### 3.2. Lựa chọn nhiều đáp án đúng (câu hỏi mở, lấy thông tin)

- **Bước 1:** Vẽ hộp tại mỗi đáp án A, B, C, D để học sinh lựa chọn
- **Bước 2:** Viết **tick:** bên trong hộp vừa tạo (không có đáp án đúng sai)

Eg: What do you like doing in your free time?

- ☐ - Watching TV Shows and Movies
- ☐ - Reading
- ☐ - Going for a walk
- ☐ - Doing Yoga
- ☐ - Cooking
- ☐ - Gardening
- ☐ - Shopping

### 4. Bài tập lựa chọn từ danh sách đáp án được thả xuống (drop-down selection box)

- **Bước 1:** Vẽ hộp tại khoảng trống của câu
  - **Bước 2:** Gõ “**choose:** + viết các đáp án muốn học sinh lựa chọn” vào hộp thoại.
- Mỗi đáp án được ngăn cách bằng kí tự “/”, đặt “\*” trước đáp án đúng.

**Ví dụ:** choose:many/some/\*every/most

Mr.Heikke gets up very early \_\_\_\_\_ day.

### 5. Bài tập ghép đôi (Match/ Join)

- **Bước 1:** Vẽ hộp tại cuối câu hỏi 1, viết **join:1** ; và vẽ hộp tại đầu câu trả lời cho câu hỏi 1, viết **join:1**
- **Bước 2:** Vẽ hộp tại cuối câu hỏi 2, viết **join:2** và vẽ hộp tại đầu câu trả lời cho câu hỏi 2, viết **join:2**

Các bước tiếp theo làm tương tự cho đến hết câu hỏi và câu trả lời tương ứng.

Áp dụng tương tự với nội tranh, từ....

Các cặp từ/ tranh ghép đôi phải có câu lệnh giống nhau.

Eg:

# Animals descriptions

Match the description to the animal it corresponds

I am brown. I eat fruit.  
I can fly and I live in trees. I  
give milk to my babies.

I am yellow and hairy. I  
have a mane. I live in  
grasslands. I eat other  
animals.

I am a wild mammal and I  
live in the Arctic. I have  
black skin and white fur.

I'm black and white. I  
cannot fly but I use my  
small wings to swim.

I use my strong beak to  
make holes in tree trunks  
to find insects to eat.

I have a long body and no  
legs. My bite can be  
poisonous.

I'm large and strong with a  
curved beak. I eat meat  
and can see very well.

I have yellowish-orange  
fur with black lines and I  
live in the jungle.



### 6. Bài tập kéo và thả (Drag and drop)

Ở dạng bài tập này học sinh sẽ sử dụng chuột để di chuyển các phương án trả lời.

- Bước 1: Vẽ hộp tại một phương án và viết **drag:1**
- Bước 2: Vẽ hộp tại vị trí muốn di chuyển tới và viết **drop:1**

**Drag and drop:**

|                                                                                   |                                                                                   |                                                                                    |                                                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  |  |
| <input type="text"/>                                                              | <input type="text"/>                                                              | <input type="text"/>                                                               | <input type="text"/>                                                                |
| <b>Science</b>                                                                    | <b>PE</b>                                                                         | <b>Maths</b>                                                                       | <b>History</b>                                                                      |
|  |  |  |  |
| <input type="text"/>                                                              | <input type="text"/>                                                              | <input type="text"/>                                                               | <input type="text"/>                                                                |
| <b>English</b>                                                                    | <b>Geography</b>                                                                  | <b>Music</b>                                                                       | <b>Art</b>                                                                          |

### 7. Bài tập nghe và chọn/ điền đáp án

7.1. Dùng file âm thanh có sẵn (định dạng mp3, tối đa 5MB)

- Bước 1: Vẽ hộp to hay nhỏ tùy ý trong Phiếu bài tập

- Bước 2: Viết câu lệnh vào hộp: **playmp3:**

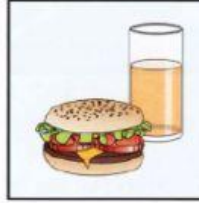
Sau đó nhấn "Enter" => xuất hiện bảng điều chỉnh => **Choose file => Upload**

- Bước 3: Tạo hộp tương tác tại vị trí **câu hỏi/ đáp án** như cách tạo lựa chọn trắc nghiệm hoặc tự luận trước đó.

Eg:

Listen and tick (✓) the box.

1. What does Daisy want for supper?

|                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  |
| A <input type="checkbox"/>                                                          | B <input type="checkbox"/>                                                          | C <input type="checkbox"/>                                                          |

## 7.2. Dùng bộ giọng đọc tự động của Google

- **Bước 1:** Vẽ hộp to hay nhỏ tùy ý trong Phiếu bài tập

- **Bước 2:** Viết từ hoặc câu cần nghe: **listen:apple**

Sau đó nhấn “Enter” => xuất hiện bảng điều chỉnh => chọn ngôn ngữ đọc phù hợp => SAVE

- **Bước 3:** Tạo hộp tương tác tại vị trí câu hỏi/ đáp án như cách tạo lựa chọn trắc nghiệm hoặc tự luận trước đó.

Listen, point, and repeat.

1.



2.



3.



4.



## 8. Chèn video hoặc link website

- **Bước 1:** Vẽ hộp to hay nhỏ tùy ý trong Phiếu bài tập

- **Bước 2:** Copy đường link của videomuốn học sinh xem và dán vào hộp:

**video:** đường link

\* Muốn dẫn đường link của một website chỉ cần dán địa chỉ đường link vào hộp tương tác:

### 9. Bài tập wordsearch

- **Bước 1:** Vẽ hộp tương tác bao toàn bộ ô chữ

- **Bước 2:** Viết câu lệnh vào hộp tương tác **wordsearch:**

Sau đó nhấn “Enter” => xuất hiện bảng điều chỉnh => chọn số lượng hàng – cột theo bảng ô chữ => SAVE

BEACH      SUMMER  
CAMP      SUN  
FUN      SWIM  
HOT      WATER

|   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| S | J | C | A | M | P | M | C |
| W | G | L | A | M | C | H | M |
| I | J | M | M | P | Y | Y | Z |
| M | V | K | B | E | A | C | H |
| S | U | M | M | E | R | M | S |
| M | H | O | T | E | B | H | U |
| K | O | I | G | U | F | U | N |
| W | A | T | E | R | O | Q | E |

### 10. Tạo điểm đánh giá:

- **Bước 1:** Vẽ hộp bao toàn bộ mỗi bài tập

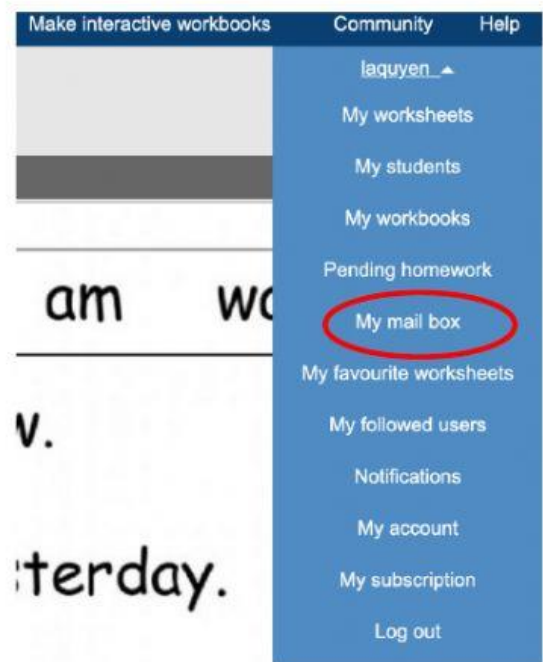
- **Bước 2:** Viết lệnh “value:+ điểm”: **value:5**

(Hệ thống mặc định điểm tối đa là 10)

### 11. LƯU & CHIA SẺ WORKSHEET

- Sau khi hoàn thành, chọn Save để lưu kết quả  
=> xuất hiện bảng điều khiển=> chọn Yes (lưu công khai) hoặc No (lưu riêng tư) => hoàn thành thông tin theo yêu cầu

- Quay trở lại kho lưu trữ: My worksheets



- Chọn worksheet cần chia sẻ => nhấn chọn “**custom link**” để thay đổi thời hạn làm bài/ điểm số/ nhận kết quả....

- Mục “**Send answers to my mail box**” phải luôn được chọn nếu muốn nhận kết quả của học sinh về hòm thư cá nhân.

- Copy đường link và chia sẻ cho học sinh...

## - Xem kết quả của học sinh trong “My mail box”

### Checking options

- ☐ Ignore punctuation marks
- ☒ Ignore capital letters
- ☒ Ignore accents

### Time limit:

☐ Set time limit:  min.

### Link available:

From:

To:

### Default action on click FINISH:

- ☐ Check answers
- ☒ Send answers to the teacher
- ☐ Ask student

### Prefill values:

Student name:

Grade/level:

School subject:

- ☒ Send answers to my mail box

If you prefill the group and the subject, the student will only have to enter his/her name and click SEND.  
If you prefill all the values, the answers will be automatically sent to your mail box when the student clicks FINISH.

### Grading options

- ☐ Show grades without decimals (E.g: 7)
- ☒ Show grades with decimals (E.g: 7.4)
- ☐ Don't show grades

Max. score:

- ☒ Show errors (right answers in green and wrong answers in red)

☐ Show right answers after checking the exercise (the student can see the right answers by placing the cursor over the boxes)

These options are only for the student. The teacher will always receive the exercises corrected, with the corresponding score.

### This is your custom link:

<https://www.liveworksheets.com/c?a=s&t=vdr3yhs0kxi&m=d&sr=n&ia=y&ms=uz&l=eb&i=dcxofst&r=ck&db=0&f=dzduuz>

[Copy link](#)

[Add to Google Classroom](#)

[Add to Microsoft Teams](#)

Thanks for  
watching